

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 19-01-2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Đông;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2023/TLST-DS ngày 14/11/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mai N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Hải Đông, Xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn:* Bà Đào Thị Ánh H, sinh năm 1973; Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Hải Đông, Xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

(Tại phiên tòa, bà N, bà H, ông Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Trần Thị Mai N trình bày:

Bà và bà Đào Thị Ánh H có quen biết nhau. Ngày 23/10/2019 bà N cho vợ chồng bà Đào Thị Ánh H, ông Phạm Minh Đ vay số tiền: 200.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn*), lãi suất do 2 bên thỏa thuận: 2,5 %/ tháng, mục đích vay để nuôi tằm hùm thương phẩm. Sau khi vay bà H trả lãi không đầy đủ, tính đến ngày 26/7/2023 giữa bà N và bà H thống nhất bà H còn nợ bà N tổng cộng gốc và lãi là 260.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), hẹn đến tháng 10/2023 sẽ trả nhưng vẫn không trả. Nay bà N yêu cầu vợ

chồng bà H, ông Đ trả dứt điểm một lần cho bà số tiền 260.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng) không yêu cầu trả lãi.

* Bị đơn bà Đào Thị Ánh H trình bày: Ngày 23/10/2019 vợ chồng bà có vay của bà N 200.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn) để nuôi tôm hùm thương phẩm, lãi suất theo thỏa thuận là 2,5 %/ tháng. Sau khi vay vợ chồng bà đã trả lãi đầy đủ, tính đến năm 2021 vợ chồng bà còn nợ bà N 60.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng) tiền lãi. Như vậy hiện vợ chồng bà còn nợ bà N số tiền 260.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà H xin trả trước 10% số nợ gốc tương ứng 20.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn), còn lại 180.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng) vợ chồng bà H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng – 5.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 02/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc. Tiền lãi 60.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng) vợ chồng bà xin không trả vì làm ăn bị thua lỗ. Tại phiên tòa bà xin trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc.

* Bị đơn ông Phạm Minh Đ trình bày: Thống nhất với trình bày của bà H, tuy nhiên việc bà H vay bà N ông Đ không biết, nhưng ông Đ đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà N.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai N, buộc bà Đào Thị Ánh H và ông Phạm Minh Đ phải trả cho bà N số tiền 260.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số nợ 260.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, vụ án có quan hệ là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn cư trú tại Thôn Hải Đông, xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Mai N yêu cầu bà Đào Thị Ánh H, ông Phạm Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm một lần cho bà số tiền 260.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng*). HĐXX nhận định: Ngày 23/10/2019 bà N cho vợ chồng bà Đào Thị Ánh H, ông Phạm Minh Đ vay số tiền: 200.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn*), lãi suất do 2 bên thỏa thuận 2,5% tháng, tính đến ngày 26/7/2023 giữa bà N và bà H thống nhất bà H còn nợ bà N tổng cộng là 260.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), hẹn đến tháng 10/2023 sẽ trả. Việc thống nhất nợ giữa bà N và bà H được thể hiện bằng hình thức miệng, không viết giấy tay, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà N và bà H, ông Đ đã xác nhận và thống nhất về số nợ trên. Tại phiên Tòa các bên không thống nhất được thời gian và phương thức thanh toán. Bà N yêu cầu vợ chồng bà H, ông Đ trả dứt điểm một lần cho bà số tiền 260.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), còn vợ chồng bà H vì kinh tế khó khăn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ tháng cho đến khi trả hết nợ. Việc xin kéo dài thời hạn trả nợ của bà H ông Đ không được bà N chấp nhận. Do đó HĐXX căn cứ vào các 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà H ông Đ có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần cho bà N số tiền 260.000.000 đồng là có căn cứ. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số nợ 260.000.000 đồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Đào Thị Ánh H và ông Phạm Minh Đ phải chịu án phí DSST là 6.500.000 đồng (đã được xét giảm $\frac{1}{2}$ vì có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có đơn xác nhận của UBND nơi cư trú).

[4] Tại phiên Tòa ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của BLDS năm 2015;
Căn cứ Điều 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai N.
2. Buộc bà Đào Thị Ánh H, ông Phạm Minh Đ có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần cho bà Trần Thị Mai N số tiền 260.000.000 đồng.
3. Bác lời nại của bà H ông Đ xin trả dần số tiền trên.
4. Về án phí:
 - Bà Đào Thị Ánh H ông Phạm Minh Đ phải chịu 6.500.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm (đã được xét giảm $\frac{1}{2}$).

- Bà Trần Thị Mai N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị Mai N số tiền 6.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000116 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- CQ THADS Tp. Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tài

Quy Nhơn, ngày 19 tháng 01 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, T. Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Tài

- Các Hội thẩm nhân dân : Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Ông Phạm Ngọc Đông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 301/2023/TLST-DS ngày 14/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Mai N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Hải Đông, Xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn*: - Bà Đào Thị Ánh H, sinh năm 1973; Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Hải Đông, Xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH THỐNG NHẤT CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 147, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của BLDS năm 2015;

Căn cứ Điều 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai N.

2. Buộc bà Đào Thị Ánh H, ông Phạm Minh Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mai N số tiền 260.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi là 60.000.000 đồng. Thống nhất 3/3

3. Bác lời nại của bà H ông Đ xin trả dần số tiền trên.

Thống nhất 3/3

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Bà Đào Thị Ánh H ông Phạm Minh Đ phải chịu 6.500.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm (đã được xét giảm $\frac{1}{2}$).

- Bà Trần Thị Mai N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị Mai N số tiền 6.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000116 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Thống nhất 3/3

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Thống nhất 3/3

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà